

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
về thành tích thường xuyên năm 2022**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho 25 tập thể và 95 cá nhân thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường vì đã có thành tích xuất sắc năm 2022 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tiền thưởng kèm theo thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCCB, Thi.

[Chữ ký]



**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG BẰNG KHEN
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2022**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ TẶNG BẰNG KHEN
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2022**

I. Tập thể

1. Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường.
2. Phòng Thanh tra Tài nguyên và Môi trường miền Bắc, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
4. Vụ Quản lý dự báo KTTV, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
5. Vụ Quản lý mạng lưới KTTV, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
6. Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
7. Trung tâm Quan trắc khí tượng thủy văn, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
8. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Nam Định, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
9. Cục Biến đổi khí hậu.
10. Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường.
11. Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
12. Phòng Lưu vực sông Hồng - Thái Bình, Cục Quản lý tài nguyên nước.
13. Cục Viễn thám quốc gia.
14. Phòng Ứng dụng công nghệ viễn thám, Cục Viễn thám quốc gia.
15. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
16. Phân viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
17. Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
18. Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
19. Phòng Đào tạo, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
20. Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
21. Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
22. Văn phòng Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường.

23. Phòng Quản lý Kỹ thuật-Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
24. Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6, Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
25. Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam

II. Cá nhân

1. Bà Vũ Thị Hằng, Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.
2. Ông Lê Ngọc Tuấn, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.
3. Ông Cao Minh Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường.
4. Ông Phạm Quang Minh, Chánh Văn phòng Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.
5. Bà Phùng Thị Bích Hồng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.
6. Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh, Chuyên viên chính, Vụ Tổ chức cán bộ.
7. Bà Hoàng Thanh Hương, Chuyên viên, Vụ Kế hoạch - Tài chính.
8. Bà Trương Thị Minh Hà, Chuyên viên chính, Vụ Môi trường.
9. Ông Vũ Văn Long, Phó Chánh Thanh tra Bộ.
10. Bà Nguyễn Hồng Phượng, Phó Chánh Văn phòng, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam.
11. Ông Dư Công Định, Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính, Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
12. Bà Nguyễn Thị Hà, Chuyên viên Văn phòng Đảng – Đoàn thể.
13. Bà Phạm Thị Hồng Thúy, Chuyên viên phòng Kiểm soát thủ tục hành chính và Văn thư, lưu trữ, Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
14. Ông Phạm Minh Khoa, Nhân viên Phòng Quản trị, Văn phòng Bộ.
15. Ông Nguyễn Văn Lương, Phó Chánh Văn phòng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
16. Ông Nguyễn Thanh Hải, Phó Chánh Văn phòng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
17. Ông Nguyễn Đình Toàn, Chuyên viên chính Phòng Chính sách và Pháp chế, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
18. Ông Nguyễn Hữu Hiệu, Điều tra viên tài nguyên – môi trường hạng III, Đoàn Tài nguyên biển, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Bắc, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
19. Ông Vũ Đình Hiếu, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu biển và hải đảo.
20. Bà Nguyễn Thị Dung, Chuyên viên chính Văn phòng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

21. Ông Nguyễn Công Thuận, Phó Liên đoàn trưởng, Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc, Cục Địa chất Việt Nam.
22. Bà Hồ Thị Thư, Chuyên viên Phòng Địa chất cơ bản, Cục Địa chất Việt Nam.
23. Ông Khúc Thanh Sơn, Chuyên viên Văn phòng Cục Địa chất Việt Nam.
24. Ông Hồ Trung Thành, Đoàn Địa chất 6, Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ.
25. Ông Trần Đức Thịnh, Trung tâm Công nghệ và Kiểm định máy Địa vật lý, Liên đoàn Vật lý Địa chất.
26. Ông Nguyễn Văn Hành, Đoàn trưởng Đoàn Địa vật lý Biên, Liên đoàn Vật lý Địa chất.
27. Ông Đinh Xuân Hà, Tổ trưởng đề án “Lập Bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1/50 000 nhóm tờ Hoàng Su Phì”.
28. Bà Trần Thị Thu Hương, Chuyên viên chính Chi cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường miền Bắc, Cục Kiểm soát ô nhiễm Môi trường.
29. Ông Nguyễn Phạm Hà, Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Quản lý chất thải Công nghiệp và nguy hại, Cục Kiểm soát ô nhiễm Môi trường.
30. Bà Nguyễn Thị Minh Huệ, viên chức Viên chức Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc, Cục Kiểm soát ô nhiễm Môi trường.
31. Bà Nguyễn Thị Bình, Kế toán trưởng Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu Kiểm soát ô nhiễm môi trường.
32. Bà Đặng Thanh Mai, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
33. Ông Dương Văn Quyết, Công chức, Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
34. Ông Trần Tiến Dũng, Phó Chánh Văn phòng Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
35. Ông Vũ Văn Quân, Viên chức, Phòng Dự báo KTTV, Đài KTTV khu vực Đông Bắc, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
36. Bà Vũ Thị Hòa, Viên chức, Đài KTTV tỉnh Nam Định, Đài KTTV khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
37. Bà Lã Thị Bích Hồng, Viên chức, Đài KTTV tỉnh Nam Định, Đài KTTV khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
38. Ông Nguyễn Hồng Trường, Phó Giám đốc, Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
39. Ông Đặng Thanh Tâm, Giám đốc Đài KTTV tỉnh Trà Vinh, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
40. Ông Nguyễn Quang Ngọc, Giám đốc Đài KTTV tỉnh Long An, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
41. Bà Nguyễn Thị Tuyết Chinh, Kế toán Văn phòng Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất.
42. Bà Nguyễn Thị Minh Phương, Chuyên viên Phòng Giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất.
43. Ông Nguyễn Hồng Quân, Trung tâm Cơ sở hạ tầng và Bảo đảm an toàn thông tin, Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường.

44. Ông Phan Ngọc Mai, Phó Cục trưởng, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
45. Ông Dương Văn Hải, Phó Cục trưởng, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
46. Ông Dương Quốc Lương, Giám đốc Trung tâm Trắc địa và Bản đồ biển, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
47. Ông Nguyễn Trung Thành, Phó Giám đốc Trung tâm Trắc địa và Bản đồ biển, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
48. Bà Lê Thị Hải Như, Chuyên viên, Phòng Công nghệ đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
49. Bà Hoàng Thanh Sắc, Trưởng phòng Cung cấp thông tin dữ liệu, Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
50. Ông Nguyễn Bá Dũng, Viên chức, Trung tâm Kiểm định thiết bị và Tư vấn đo đạc bản đồ, Trung tâm Kiểm định sản phẩm đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
51. Ông Nguyễn Quang Đức, Chuyên viên chính, phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục quản lý tài nguyên nước.
52. Bà Phan Mai Linh, Chuyên viên chính, phòng Lưu vực sông Bắc Trung Bộ, Cục quản lý tài nguyên nước.
53. Ông Đinh Tiến Dũng, Chuyên viên, Ban Quy hoạch tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
54. Ông Vũ Mạnh Hải, Trưởng phòng Quy hoạch tài nguyên nước, Liên đoàn quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
55. Ông Nguyễn Trung Phát, Trưởng phòng Quy hoạch tài nguyên nước, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
56. Ông Cao Duy Hải, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
57. Ông Đỗ Xuân Khôi, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
58. Ông Cao Minh Hoàng, Đoàn trưởng Đoàn tài nguyên nước Bắc Tây Nguyên, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
59. Bà Nguyễn Thị Hà, Phó Chánh Văn phòng Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường.
60. Ông Đặng Trung Tú, Trưởng Ban Tổng hợp và Dự báo chiến lược, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường.

61. Bà Nguyễn Hương Giang, Phó Trưởng phòng Hành chính Kỹ thuật-KSC, Trung tâm Triển khai Công nghệ Đo đạc và Bản đồ, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
62. Ông Nguyễn Thanh Thủy, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo, Hợp tác quốc tế và Tạp chí, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
63. Ông Quách Đức Tín, Phó Viện trưởng, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
64. Ông Vũ Hồng Đăng, Phó Trưởng phòng điều hành Phòng Địa chất thủy văn và Địa chất công trình, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
65. Ông Phạm Quốc Hùng, Nghiên cứu viên Trung tâm Công nghệ Địa chất và Khoáng sản.
66. Ông Trương Văn Kịch, Trưởng phòng Kế hoạch Tư vấn và Dịch vụ, Phân viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
67. Bà Ngô Thị Kiều Trang, Phó Trưởng Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
68. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Phó Trưởng Bộ môn Quản trị du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
69. Bà Tạ Thị Yến, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
70. Bà Tăng Thị Lệ Thu, Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
71. Ông Mai Tiến Tú, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
72. Bà Vũ Thị Thủy Ngân, Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
73. Bà Phạm Thị Thanh Thủy, Phó Trưởng phòng Thanh tra giáo dục và Pháp chế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
74. Ông Huỳnh Quyền, Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
75. Bà Huỳnh Thị Ngọc Hân, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Khoa Môi trường Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
76. Bà Vũ Thị Hương, Phó trưởng phòng Quản lý Kỹ thuật - Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
77. Ông Nguyễn Đình Trung, Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
78. Ông Nguyễn Hoàng Điệp, Phó Chánh Văn phòng Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.

79. Ông Trần Nam Trung, Phó giám đốc Xí nghiệp Trắc địa ảnh và Thông tin dữ liệu, Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
80. Ông Trần Hồng Tura, Đội trưởng đội đo đạc số 1, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 3, Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
81. Ông Phạm Văn Cương, Đội phó đội đo đạc số 2, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 3, Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
82. Ông Phạm Minh Khánh, Giám đốc Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 4, Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
83. Bà Lê Thị Hằng, Trưởng phòng Kinh tế và Truyền thông Báo Tài nguyên và Môi trường.
84. Bà Nguyễn Thị Thúy, Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế toán, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
85. Bà Phan Hoa Vy, Nhân viên Văn phòng Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
86. Ông Giáp Trọng Doanh, nhân viên Phòng Kỹ thuật công nghệ và chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
87. Ông Nguyễn Văn Trung, Tổ trưởng sản xuất Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 201, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
88. Ông Nguyễn Đức Tín, Nhân viên Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 301, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
89. Bà Nguyễn Thị Huệ, Nhân viên Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 305, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
90. Bà Phan Thị Lượng, Tổ trưởng sản xuất Xí nghiệp Địa chất – Thủy văn và Môi trường, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
91. Ông Nguyễn Thế Lộc, Nhân viên Trung tâm Quy hoạch Điều tra tài nguyên đất, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
92. Bà Hà Thị Thục, Tổ trưởng sản xuất Đoàn Công tác 309, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
93. Ông Nguyễn Quang Khôi, Nhân viên Trung tâm Ứng dụng Phát triển công nghệ và Dạy nghề, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
94. Bà Nguyễn Thị Hải Thanh, Kế toán trưởng Nhà máy In Bản đồ, Chi nhánh Nhà xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
95. Ông Đỗ Văn Dương, Tổ trưởng tổ máy In offset 4 màu Komori, Nhà máy In Bản đồ, Nhà xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam./.